

Bản án số: 261/2026/DS-PT

Ngày: 25 - 3 - 2026

V/v tranh chấp QSD đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Xuân Miên

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Trọng Quế

Ông Đỗ Cao Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Kim Yến là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Màu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 38/2026/TLPT-DS ngày 23 tháng 01 năm 2026 về Tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 406/2025/DS-ST ngày 19 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 165/2026/QĐ-PT ngày 11 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thanh N, sinh năm 1994; CCCD: 092194005950, cấp ngày 11/8/2011; địa chỉ: Số G Lô A - C, khu phố A, phường M, thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Lệ H, sinh năm 1964; CCCD: 092164008462, cấp ngày 07/8/2024; địa chỉ: G Lô A, phường A, quận A, thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo uỷ quyền (Hợp đồng uỷ quyền ngày 24/12/2024); có mặt.

Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1971; CCCD: 096071012338, cấp ngày 28/6/2021, là người đại diện theo uỷ quyền (Hợp đồng uỷ quyền ngày 19/12/2025); có mặt.

- Bị đơn: Ông Võ Văn P, sinh năm 1963; CCCD: 096063012265; địa chỉ: Ấp A, xã S, tỉnh Cà Mau; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1961; anh Võ Quang T1, sinh năm 1984; chị Nguyễn Thanh T2, sinh năm 1988 cùng địa chỉ: Ấp A, xã S, tỉnh Cà Mau; ông T1 có mặt, bà Đ và chị T2 có đơn xin vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Chị Nguyễn Thanh N là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nội dung khởi kiện của phía nguyên đơn:* Tại phiên toà phúc thẩm bà H và chị N xác định, khoảng năm 2011 – 2012 ông Nguyễn Thanh T3 đứng tên và nhận chuyển nhượng (của người không rõ lai lịch ở đâu) 750,3 m² đất có vị trí: Cạnh hướng bắc giáp kinh phân lô, hướng Nam giáp Lộ xe Sông Đ - Rạch R, hướng Đông giáp đất ông D, hướng Tây giáp đất bị đơn Võ Văn P. Đất có chiều ngang giáp Lộ Xe Sông Đốc - Tác Thủ ngang 6,02 mét (tại các thửa 46, 78). Sau khi nhận chuyển nhượng thì có tiến hành xây bó nền phần đất chuyển nhượng bà H có trông coi. Trong lúc cắm cột, lót vỉ sắt để xây bó nền thì ông P phản đối cho rằng cạnh tiếp giáp với đất của ông đã lấn sang phần đất của ông. Không muốn phiền phức, bà H đã cho tháo dỡ vỉ sắt và chừa lại 0,3m kéo dài theo ranh đất tiếp giáp với đất ông P để làm ranh, chỉ xây dựng trên phần đất có chiều ngang 5,7m. Đến tháng 12/2017 thì chuyển nhượng lại phần đất cho chị Nguyễn Thanh N. Đến tháng 02 năm 2018 thì chị N đứng tên Giấy CNQSD đất. Đến năm 2024, nguyên đơn phát hiện ông P xây dựng công trình trên phần đất 0,3m bà H chừa lại để làm ranh. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn tháo dỡ công trình xây dựng trên đất trả lại phần đất lấn chiếm. Phần đất tranh chấp theo đo đạc thẩm định thực tế có diện tích 63,6m². Toàn bộ nhà và đất thuộc quyền sở hữu và sử dụng của chị Nguyễn Thanh N. Bà H và ông T3 không có nghĩa vụ hay quyền lợi gì về nhà – đất này.

* *Nội dung trình bày và yêu cầu phản tố của phía bị đơn:* Năm 2009, vợ chồng bị đơn nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn D1 phần đất có cạnh chiều ngang mặt tiền 10m (tiếp giáp Lộ xe Sông Đ - T), cạnh chiều dài hơn 124, cạnh hướng Đông giáp đất không rõ chủ nay là bà H, cạnh hướng Tây giáp đất ông T4. Sau khi chuyển nhượng có cắm trụ đá. Ngày 12/8/2009, vợ chồng bị đơn đã được cấp Giấy CNQSD đất với diện tích 1.247,4m² và gia đình trực tiếp quản lý sử dụng.

Sau khi bà H sang đất thì bà H có xây bó nền bị đơn phát hiện phía bà H đào móng, bỏ vỉ sắt lấn qua nên bị đơn yêu cầu tháo dỡ. Năm 2020, bà H xây cất nhà đúng trên vị trí bó nền có chừa lại 0,1m (do ông P yêu cầu chừa để làm lỗ thông gió).

Cuối năm 2022 gia đình bị đơn tiến hành xây dựng hàng rào (đổ trụ bê tông và kéo lưới sắt B40) trên đất của gia đình không có lấn chiếm đất của bà H. Tháng 11/2024, bị đơn tiến hành xây cất nhà thì phát hiện nhà của nguyên đơn nghiêng qua bên phần đất của bị đơn nên yêu cầu đến UBND xã giải quyết. Ngày 12/3/2025, bị đơn có khởi kiện phản tố nguyên đơn phải tháo dỡ, di dời toàn bộ phần công trình xây dựng lấn qua khoảng không gian đất của bị đơn theo kết quả kiểm định thực tế.

* *Trình bày của anh T1:* Thống nhất với toàn bộ lời trình bày, ý kiến và yêu cầu của ông P, không có yêu cầu gì khác.

* *Các đương sự và người tham gia tố tụng khác:* Không có ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ hay phản đối yêu cầu của các đương sự trong vụ án.

Bản án dân sự sơ thẩm số 406/2025/DS-ST ngày 19 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau quyết định:

Căn cứ điều 147, điều 157, điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự; điều 175 Bộ luật Dân sự; điều 236 Luật Đất đai; điều 12, điều 24, điều 26 Nghị quyết số 326.

Tuyên xử: - Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thanh N về việc yêu cầu ông Võ Văn P tháo dỡ, di dời nhà, công trình và hàng rào trả diện tích đất tranh chấp 63,6 m² (tại thửa 1, 4, 7 theo mảnh đo đạc) – Đất tọa lạc tại ấp A, xã S, tỉnh Cà Mau.

- Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Võ Văn P, buộc chị Nguyễn Thanh N phải có nghĩa vụ tháo dỡ toàn bộ phần nhà và công trình đã xây dựng lấn qua khoảng không gian thuộc quyền sử dụng đất của ông Võ Văn P với độ nghiêng ▲L1 = 415 mm và ▲L3 = 455 mm.

- Buộc chị Nguyễn Thanh N tự chịu toàn bộ số tiền 33.015.000 đồng tiền chi phí thẩm định, đo đạc, định giá đối với phần đất tranh chấp (đã nộp và thực hiện xong).

- Buộc chị Nguyễn Thanh N có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Võ Văn P số tiền 14.038.000 đồng là tổng số tiền chi phí cho việc kiểm định công trình xây dựng. Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 19 tháng 12 năm 2026, chị Nguyễn Thanh N kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ án sơ thẩm theo hướng buộc ông Võ Tấn P1 tự tháo dỡ bờ rào giao trả lại cho nguyên đơn 63,6m² và bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện phản tố của ông Võ Văn P; không đồng ý hoàn trả ông P 14.038.000 đồng là tổng số tiền chi phí cho việc kiểm định công trình xây dựng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bị đơn rút lại yêu cầu khởi kiện phản tố nguyên đơn với lý do: Nguyên đơn đã khắc phục sửa chữa độ nghiêng của nhà, nhưng yêu cầu nguyên đơn phải chịu tổng số tiền chi phí chi phí cho việc kiểm định công trình xây dựng là 14.038.000 đồng như án sơ thẩm đã xét xử. Nguyên đơn đồng ý việc rút yêu cầu khởi kiện phản tố của bị đơn, nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo về số tiền 14.038.000 đồng.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thông qua việc kiểm sát giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thời hạn và thông báo thụ lý vụ án, thời hạn chuẩn bị xét xử, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát để tham gia xét xử theo đúng quy định tại các Điều 286, Điều 287, 290, 292 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử đúng theo Điều 64 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các 70, 71, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa bị đơn rút yêu cầu khởi kiện phản tố đối với nguyên đơn về độ nghiêng ngôi nhà do phía nguyên đơn đã khắc phục độ nghiêng xong; nguyên đơn đồng ý việc rút khởi kiện của bị đơn.

Căn cứ khoản 1 Điều 289, Điều 299, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu phản tố của bị đơn về việc buộc nguyên đơn tháo dỡ nhà và công trình xây dựng lấn qua khoảng không gian thuộc quyền sử dụng đất của bị đơn.

- Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thanh N. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 406/2025/DSST ngày 19/12/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 3. Về án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm, chi phí tố tụng, nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn trong hạn luật định nên Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét đơn kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Nguyên đơn Nguyễn Thanh N cho rằng bị đơn Võ Văn P xây cất nhà và công trình phụ trên đất của bị đơn, lấn chiếm đất của bị đơn với diện tích theo đo đạc thực tế là 63,6m² yêu cầu tháo dỡ, di dời trả lại đất; bị đơn không đồng ý, cho rằng là đất của bị đơn, không lấn chiếm. Do đó, quan hệ tranh chấp của vụ án là tranh chấp quyền sử dụng đất quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn.

[3.1] Về diện tích 63,6m² đất nguyên đơn cho là bị đơn lấn chiếm.

Xét thấy: Theo Giấy CNQSD đất thì chị N được cấp 750,3 m² tại các thửa 46, 78 tờ bản đồ số 13. Song, kết quả đo đạc thực tế thì có tổng diện tích 688 m² (không tính phần đất tranh chấp). Ông P được cấp QSD 1.247,4 m² đất tại thửa số 111 tờ bản đồ số 08. Song, kết quả đo đạc thực tế thì có tổng diện tích 1.173,3 m² (không tính phần đất tranh chấp). Như vậy, về mặt số liệu thì diện tích đất thực tế các bên quản lý và sử dụng đều thiếu so với diện tích đất các bên được cấp theo Giấy chứng nhận (*bà N thiếu 62,3 m², ông P thiếu 74,1 m²*).

Căn cứ vào hồ sơ thủ tục cấp Giấy chứng nhận cho các bên (BL 143 - 161) thì QSD đất bà N được cấp có số đo các cạnh, còn đối với QSD đất của ông P không có số đo các cạnh. Song, việc cấp QSD đất cho các đương sự thì Cơ quan đất đai chỉ căn cứ trên “*Trích lục bản đồ địa chính*” mà không đo đạc, xác định ranh giới tại thực địa. Như vậy, nếu căn cứ về mặt số liệu kích thước, diện tích theo

Giấy chứng nhận để xác định ranh giới đất giữa các bên là không đảm bảo khách quan về mặt chứng cứ.

Các lời khai của bà H cũng như lời trình bày của ông P đã xác định rõ: Năm 2018, khi phía nguyên đơn tiến hành xây bó nền đất để cất nhà thì bị đơn đã xác định phần đất hiện nay đang tranh chấp là thuộc quyền sử dụng của bị đơn nên bị đơn đã ngăn cản và phía nguyên đơn đã tháo dỡ vỉ sắt bỏ ra 0,32m ngang kéo dài theo đất. Chứng cứ này đã chứng minh, tại thời điểm năm 2018, khi tiến hành xây bó nền để cất nhà phía nguyên đơn đã đồng ý phần đất bị đơn ngăn cản là của bị đơn; phần đất này là phần đất hiện nay đang tranh chấp.

Nguyên đơn cho rằng, việc chấp nhận chừa ra (không xây cất) 0,32m vì không muốn phiền phức cũng như để làm đường ranh đất. Tại phiên toà phúc thẩm thì ông T là người đại diện theo uỷ quyền cho nguyên đơn cho rằng do phong thuỷ nên xây cất chiều ngang nhà 5,7m còn lại chừa ra 0,32m; và chừa ra để sau này làm đường ống cấp thoát nước phía ngoài nhà. Lời trình bày này của phía nguyên đơn không có cơ sở để chấp nhận.

Tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Do đó, bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Tại phiên toà phúc thẩm đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn cho rằng, trong 0,32m ngang đất tranh chấp có 0,1m đất của bà N với cơ sở: Tại lời trình bày của ông P có nói: Bà H phải chừa lại 0,1m đất để làm lỗ thông gió. Tại phiên toà ông P xác định, khi bà H tiến hành xây bó nền ông có ngăn cản bà H vì xây lên trên phần đất của ông và bà H đã đồng ý và đã trả lại 0,32m ngang. Lúc đó ông có nói bà H làm lỗ thông gió phải chừa ra 0,1 để làm lỗ thông gió, không được để lỗ thông gió trên không lấn qua phần không gian đất của ông. Ông yêu cầu như vậy để bà H biết mà xây dựng chứ không phải trong 0,32m ngang là có 0,1m bà H chừa làm lỗ thông gió. Như vậy, qua lời trình bày của các bên đương sự thì tất cả cũng chỉ là lời trình bày mà không có chứng cứ nào để chứng minh. Trong khi thực tế nhà của nguyên đơn xây cất đủ và đúng vị trí phần nền móng đã xây bó nền đã được hai bên thống nhất. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận lời trình bày của ông T là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn về việc trong phần đất tranh chấp có 0,1m ngang đất của nguyên đơn.

[3.2] Về yêu cầu phản tố của bị đơn.

Xét thấy: Nguyên đơn thừa nhận căn nhà xây dựng hiện nay có bị nghiêng nhưng cho rằng vẫn trong phạm vi diện tích đất của nguyên đơn, không lấn chiếm không gian đất bị đơn.

Tại Báo cáo số 07/2025/BC-TTQHKGĐ ngày 27/6/2025 của Trung tâm quy hoạch và Kiểm định xây dựng thuộc Sở Xây dựng tỉnh C về việc kiểm định ngôi nhà của nguyên đơn đã kết luận: Độ nghiêng mặt tiền 3,3%, ▲L1 = 415 mm; độ nghiêng mặt hậu 3,1%, ▲L3 = 455 mm; vượt quá độ nghiêng cho phép. Toàn bộ phần đất tranh chấp thuộc phạm vi độ nghiêng của nhà ở khoảng không gian chiều xuống mặt đất. Song, phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của bị đơn nên độ

ngiên của nhà có ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bị đơn. Án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn là có cơ sở, đúng quy định tại Điều 175 Bộ luật Dân sự.

Tuy nhiên tại phiên toà phúc thẩm nguyên đơn cung cấp hình ảnh về ngôi nhà đã được nguyên đơn khắc phục sửa chữa không còn độ nghiêng qua phía đất của bị đơn như trước đây. Tại phiên toà phúc thẩm bị đơn cũng xác định phía nguyên đơn đã có khắc phục sửa chữa hết độ nghiêng của nhà. Do nguyên đơn đã khắc phục sửa chữa độ nghiêng nhà xong nên tại phiên toà phúc thẩm bị đơn rút đơn khởi kiện phản tố của bị đơn. Nguyên đơn đồng ý việc rút khởi kiện phản tố của bị đơn. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 299 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử huỷ án sơ thẩm đối với phần khởi kiện phản tố của bị đơn Võ Văn P và đình chỉ giải quyết vụ án đối với phần này.

[3.3] Về tiền chi phí tố tụng cho việc kiểm định ngôi nhà.

Như đã nhận định trên, việc ngôi nhà nguyên đơn đã nghiêng về phía đất bị đơn nên bị đơn đã khởi kiện. Để xác định có độ nghiêng hay không cũng như mức độ nghiêng, cơ sở để xem xét giải quyết cho yêu cầu của các bên cần thiết phải có tiến hành kiểm định của cơ quan chuyên môn. Tại kết luận của Trung tâm quy hoạch và Kiểm định xây dựng kết luận độ nghiêng của nhà từ 3,1% đến 3,3%, ***viết quá độ nghiêng cho phép***. Do đó, yêu cầu khởi kiện phản tố của bị đơn là có căn cứ, được chấp nhận.

Căn cứ Điều 157, 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định thì nguyên đơn phải chịu chi phí cho việc kiểm định công trình xây dựng. Án sơ thẩm buộc nguyên đơn phải chịu là đúng pháp luật. Do bị đơn đã chi tạm ứng chi trả nên nguyên đơn có nghĩa vụ hoàn lại cho bị đơn. Do đó, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của nguyên đơn.

[4] Do yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 299 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Huỷ bản án sơ thẩm dân sự số 406/2025/DS-ST ngày 19 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau và đình chỉ giải quyết vụ án đối với phần yêu cầu khởi kiện phản tố của bị đơn Võ Văn P.

2. Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Thanh N; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 406/2025/DS-ST ngày 19 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau đối với phần không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thanh N.

3. Căn cứ Điều 175, 176 Bộ luật dân sự; Điều 236 Luật Đất đai; Điều 148, khoản 1 Điều 157, Điều 161 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 điều 29 Nghị quyết

số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: - Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thanh N về việc yêu cầu ông Võ Văn P tháo dỡ, di dời nhà, công trình và hàng rào trả diện tích đất tranh chấp 63,6 m² (tại thửa 1, 4, 7 theo mảnh đo đạc) – Đất tọa lạc tại ấp A, xã S, tỉnh Cà Mau.

(Có mảnh đo đạc chính lý thửa đất ngày 28/7/2025 của Công ty TNHH MTV T5 thể hiện diện tích, vị trí, mốc giới cụ thể của phần đất tranh chấp, nhà và công trình trên đất và báo cáo kiểm định công trình xây dựng số: 07/2025/BC-TTQHKĐ ngày 27/6/2025 của Trung tâm quy hoạch và kiểm định xây dựng thuộc sở X (kèm theo)).

- Buộc chị Nguyễn Thanh N có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Võ Văn P số tiền 14.038.000 đồng là tổng số tiền chi phí cho việc kiểm định công trình xây dựng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Án phí dân sự phúc thẩm chị Nguyễn Thanh N phải chịu 300.000 đồng; song chị Nguyễn Thanh N đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006781 ngày 19/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển sang thu án phí dân sự.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKS nhân dân Khu vực 3 – Cà Mau;
- Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 3 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM: TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Xuân Miễn